TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MANG THÍT** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2023/HNGĐ- ST
Ngày: 14- 4-2023
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT- TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Vĩnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đinh Cường.

2. Ông Nguyễn Văn Phẩm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thuý Duy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang thít, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên toà: Không.

Ngày 14 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang thít, tỉnh Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trương Thị T, sinh 1981. Địa chỉ: ấp P H, xã NP, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Trần Thanh T, sinh 1978. Địa chỉ: ấp PT, xã NP, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long- vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/01/2023 nguyên đơn Trương Thị T trình bày:

Năm 1998, chị Trương Thị T và anh Trần Thanh T cưới nhau theo phong tục tập quán. Nhưng trước, sau và cho đến nay chị T và anh T chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới nhau vợ chồng sinh sống tại ấp PH, xã NP, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2015 thì mâu thuẫn phát sinh không khắc phục được và anh Tuấn về sinh sống bên cha mẹ ruột ở ấp PT, xã NP, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

Từ đó, mỗi người có cuộc sống riêng. Mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T khởi kiện xin ly hôn với anh T.

Anh chị có ba con chung tên là Trần Hoàng C, sinh ngày 18/9/1999; Trần Hoàng T, sinh ngày 14/11/2004; Trần Hoàng Anh T, sinh ngày 14/5/2009. Trần Hoàng C và Trần Hoàng T đã thành niên và đủ khả năng lao động nuôi sống bản thân. Trần Hoàng Anh T đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T yêu cầu được tiếp tục trực triếp nuôi dưỡng Trần Hoàng Anh T.

Chị T không yêu cầu anh Tuấn cấp dưỡng nuôi Trần Hoàng Anh T. Chị T không yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu chia nợ chung.

Thu thập chứng cứ bị đơn Trần Thanh T trình bày:

Anh T thừa nhận lời trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân, con chung, cũng như các vấn đề liên quan khác là đúng. Anh T đồng ý ly hôn với chị T. Anh T đồng ý giao chị T tiếp tục tực tiếp nuôi dưỡng Trần Hoàng Anh T. Anh T không cấp dưỡng nuôi Trần Hoàng Anh T. Anh T không yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu chia nợ chung.

Tại phiên tòa, chị T giữ nguyên ý kiến và yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

1.1. Chị Trương Thị T khởi kiện xin ly hôn, nuôi con đối với anh Trần Thanh T. Anh T có nơi cư trú tại ấp PT, xã NP, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Tòa án nhân dân huyện Mang Thít xác định tranh chấp ly hôn, nuôi con, thụ lý giải quyết sơ thẩm là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Anh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham dự phiên toà: Lần thứ nhất bàn giao trực tiếp vào ngày 14/3/2023, lần thứ hai bàn giao trực tiếp vào ngày 03/4/2023. Nhưng anh T không tham dự các phiên tòa, nên tiến hành xét xử vắng mặt anh T là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

2.1. Hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T được xác lập vào năm 1999, tức là sau ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1987 có hiệu lực ngày 03/01/1987. Nhưng cho đến nay chị T và anh T không đăng ý kết hôn theo quy định của pháp luật. Nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T là không hợp pháp. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh chị T khởi kiện xin ly hôn với anh T. Anh T đồng ý ly hôn với chị T. Chứng minh được mục đích hôn nhân giữa chị T và anh T không thể đạt được. Chị T xin ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận.

Tuy nhiên, do quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T không hợp pháp, nên áp dụng khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình, tuyên bố không công nhận chị T và anh T là vợ chồng là đúng pháp luật.

2.2.Con chung:

Chị T và anh T có 03 con chung tên Trần Hoàng C, sinh ngày 18/9/1999; Trần Hoàng T, sinh ngày 14/11/2004; Trần Hoàng Anh T, sinh ngày 14/5/2009. Trần Hoàng C và Trần Hoàng T đã thành niên và đủ khả năng lao động nuôi sống bản thân. Trần Hoàng Anh T chưa thành niên, hiện do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T yêu cầu được tiếp tục trực triếp nuôi dưỡng Trần Hoàng Anh T là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình; phù hợp với nguyện vọng của Trần Hoàng Anh T,, nên chấp nhận.

2.3. Cấp dưỡng nuôi con chung:

Chị T không yâu cầu anh Tuấn cấp dưỡng nuôi Trần Hoàng Anh T. Nên không xét.

2.4. Về tài sản chung:

Chị T và anh T không yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu chia nợ chung. Nên không xét.

[3]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc chị T nộp 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm là đúng quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 81, khoản 2 Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trương Thị T:

1. Về hôn nhân:

Không công nhận chị Trương Thị T và anh Trần Thanh T là vợ chồng.

2. Về von chung:

Có 03 người con chung là: Trần Hoàng G, sinh ngày 18/9/1999; Trần Hoàng T, sinh ngày 14/11/2004; Trần Hoàng Anh T, sinh ngày 14/5/2009. Trần Hoàng G và Trần Hoàng T đã thành niên và đủ khả năng lao động nuôi sống bản thân.

Giao Trương Thị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng Trần Hoàng Anh T.

Trần Thanh T có quyền tới lui, thăm nôm, chăm sóc giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung:

Không xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung:

Không xét.

5. Án phí hôn nhân sơ thẩm:

Buộc chị Trương Thị T nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Chị T được khấu trừ từ 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít ngày 31/01/2023, lai số N^{o} 0007566. Chị T không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm. Tuyên án có mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn Trần Thanh T vắng mặt, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Vĩnh Long;*
- *VKSND tỉnh Vĩnh Long;*
- *VKSND huyện Mang Thít;*
- *UBND xã Bình Phước;*
- *Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu văn phòng.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Huỳnh Văn Vĩnh